**Thông tin chi tiết về nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia: "Quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp ở Việt Nam", mã số: KX.01.45/16-20**

**I. Thông tin chung:**

1.1. Tên đề tài: ***"Quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp ở Việt Nam"***

1.2. Mã số: KX.01.45/16-20

1.3. Kinh phí thực hiện: 3.000 triệu đồng

- Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 3.000 triệu đồng

- Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng

1.4. Thời gian thực hiện: 18 tháng, từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2020

1.5. Tổ chức chủ trì: Viện Khoa học Môi trường và Xã hội

1.6. Chủ nhiệm đề tài: ThS, NCS Nguyễn Trung Thành

1.7. Các thành viên chính tham gia thực hiện đề tài:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh khoa học** | **Cơ quan công tác** |
| 1 | Nguyễn Trung Thành | ThS, NCS | PVT Viện Khoa học Môi trường và Xã hội, Tổng Biên tập Tạp chí Tri thức Xanh |
| 2 | Nguyễn Văn Thuận | TS | Nguyên Chủ nhiệm ủy ban pháp luật của Quốc hội |
| 3 | Nguyễn Đức Bách | PGS.TS | Viện trưởng Viện Khoa học Môi trường và Xã hội |
| 4 | Bùi Sỹ Lợi | TS | Phó chủ nhiệm Ủy ban về các vấn đề xã hội - Quốc hội |
| 5 | Lê Ngọc Hùng | GS.TS | Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 6 | Đỗ Quang Hưng | GS.TS | Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 7 | Trần Vi Dân | PGS.TS | Giám đốc Học viện Chính trị Công an nhân dân |
| 8 | Lương Quỳnh Khuê | PGS.TS | Viện KH Môi trường và Xã hội |
| 9 | Đào Quang Vinh | TS | Nguyên Viện trưởng Viện KH Lao động và Xã hội |
| 10 | Nguyễn Ngọc Toản | TS | Phó Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội - Bộ LĐTB&XH |
| 11 | Nguyễn Xuân Thủy | TS | Học viện Cảnh sát Nhân dân |
| 12 | Đỗ Đức Minh | PGS.TS | Khoa Luật – Đại học QGHN |
| 13 | Nguyễn Văn Mạnh | PGS.TS | Viện Nhà nước và Pháp luật – Học viện Chính trị QG HCM |
| 14 | Nguyễn Viết Định | TS | Học viện Hành chính quốc gia |
| 15 | Tạ Thị Hương | TS | Học viện Hành chính quốc gia |
| 16 | Lê Quang Long | TS | Ban Quản lý các KCN&CX HN |
| 17 | Nguyễn Lê Thạch | TS | Học viện chính trị khu vực I |
| 18 | Lã Trường Anh | TS | Viện Nhà nước và Pháp luật |
| 19 | Trần Lệ Thu | TS | Trường Đại học Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội |
| 20 | Nguyễn Đình Phúc | ThS | Viện KH Môi trường và Xã hội |
| 21 | Phan Văn Sáng | ThS | Viện KH Môi trường và Xã hội |
| 22 | Lương Văn Liệu | ThS | Học viện Hành chính quốc gia |
| 23 | Hoàng Thị Hường | ThS | Viện KH Môi trường và Xã hội |
| 24 | Nhà báo Bùi Thị Hơn | CN | Viện KH Môi trường và Xã hội |
| 25 | Nhà báo Lê Thị Nhung | CN | Viện KH Môi trường và Xã hội |
| 26 | Vũ Thị Huyền | CN | Viện KH Môi trường và Xã hội |

**II. Thời gian, địa điểm dự kiến tổ chức đánh giá, nghiệm thu:**

2.1.Thời gian dự kiến: Tháng 01 năm 2020

2.2. Địa điểm: Tại Bộ Khoa học và Công nghệ

**III. Nội dung báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

3.1. Sản phẩm đã hoàn thành đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng của Hợp đồng nghiên cứu khoa học đã ký kết, gồm:

- Các sản phẩm chính:

+ 01 báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu;

+ 01 báo cáo tóm tắt;

+ 01 báo cáo kiến nghị;

- Các sản phẩm trung gian:

+ 02 Kỷ yếu Hội thảo Khoa học;

+ 05 Báo cáo nội dung nghiên cứu;

+ 01 Báo cáo trao đổi học thuật, kinh nghiệm quốc tế về quản lý các vấn đề xã hội tại các KCN của Malaysia;

+ 01 Báo cáo tổng thuật tài liệu;

+ 01 Báo cáo xử lý số liệu;

- Bài báo, sách chuyên khảo và các sản phẩm khác:

+ 06 Bài báo trên Tạp chí chuyên ngành trong nước;

+ 01 Bản thảo sách chuyên khảo;

+ Hỗ trợ đào tạo sau đại học: 01 NCS, 2 học viên cao học

3.2. Sản phẩm khoa học đã và sẽ chuyển giao:

- Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Thời gian dự kiến ứng dụng** | **Cơ quan dự kiến ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu | Sau khi nghiệm thu cấp quốc gia | + Ủy ban Về các vấn đề xã hội - Quốc hội  + Bộ Lao động thương binh và Xã hội  + Bộ Kế hoạch và Đầu tư  + Tổng liên đoàn lao động Việt Nam |  |
| 2 | Sách chuyên khảo | - Gửi đến các đại biểu tham gia Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng  - Các cơ quan quản lý nhà nước ở TW, địa phương  - Một số học viện, trường đại học trong cả nước  - Thư viện Quốc hội  - Trung tâm Thư viện Quốc gia Việt Nam |  |

- Danh mục sản phẩm khoa học đã được chuyển giao:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Thời gian ứng dụng** | **Tên cơ quan ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Báo cáo giải pháp và kiến nghị | 2020 | + Ủy ban Về các vấn đề xã hội - Quốc hội  + Bộ Lao động thương binh và Xã hội  + Bộ Kế hoạch và Đầu tư  + Tổng liên đoàn lao động Việt Nam |  |

3.3 Về những đóng góp mới của nhiệm vụ

- Về mặt lý luận: Trên cơ sở khảo cứu các công trình khoa học trước đó, Đề tài đã phát triển, làm rõ được khái niệm, cũng như luận giải về vị trí, vai trò về KCN, các vấn đề xã hội, quản lý các vấn đề xã hội tại các KCN; xác định được chủ thể, nội dung, nguyên tắc, cũng như tính đặc thù, tính phổ biến trong quản lý các vấn đề xã hội tại các KCN ở Việt Nam hiện nay.

- Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của Đề tài:

+ Khảo cứu kinh nghiệm trong quản lý các vấn đề xã hội của một số quốc gia trên thế giới (Malaysia; Thái Lan, Indonesia; Trung Quốc;…) và rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong giải quyết vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp.

+ Đánh giá được thực trạng quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp; nhận diện những khó khăn, thách thức trong quản lý các vấn đề xã hội đang diễn ra hiện nay,… đây là những căn cứ quan trọng, là cơ sở thực tiễn để nhận diện, đánh giá các vấn đề đang tồn tại trên cơ sở đó xây dựng, hoàn thiện những quyết sách phù hợp để giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội đang diễn ra trong quá trình hội nhập và phát triển như hiện nay.

+ Đề xuất hệ thống quan điểm, giải pháp, các kiến nghị cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay.

3.4 Về hiệu quả của nhiệm vụ:

*3.4.1. Hiệu quả kinh tế*

- Góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy quá trình hội nhập và phát triển, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào phát triển các khu công nghiệp.

- Các kết quả nghiên cứu của đề tài khi được ứng dụng vào thực tiễn sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, từng bước đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân; tạo lập điều kiện để mọi người và mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, tạo cơ hội bình đẳng tiếp cận các nguồn lực phát triển và hưởng thụ các dịch vụ cơ bản, các phúc lợi xã hội.

*3.4.2. Hiệu quả xã hội*

- Đóng góp luận cứ khoa học, khách quan từ lý luận đến thực tiễn và đề xuất quan điểm, chủ trương, chính sách có liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, phát triển khu công nghiệp; quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp; phát triển nguồn nhân lực lao động; thực hiện an sinh xã hội và phúc lợi xã hội đối với lao động tại các khu công nghiệp;...

- Kết quả nghiên cứu của đề tài khi được ứng dụng vào thực tiễn sẽ làm rõ: những vấn đề lý luận về quản lý xã hội và quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp; Kinh nghiệm quốc tế về quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp và gợi mở những bài học cho Việt Nam; Thực trạng quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp của Việt Nam; Nhận diện những khó khăn, thách thức đối với quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay; Các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp ở Việt Nam trong thời gian tới.

- Kết quả nghiên cứu của đề tài là cơ sở dữ liệu, tài liệu tham khảo, cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho các cơ quan xây dựng, hoạch định, hoàn thiện cơ chế chính sách về phát triển khu công nghiệp; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp; giải quyết tốt các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay; thực hiện có hiệu quả an sinh xã hội, phúc lợi xã hội đối với người lao động khu công nghiệp.

- Góp phần tạo sự chuyển biến về nhận thức, sự nhất quán về thể chế; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật; Phát huy vai trò của các tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên, hội phụ nữ... trong khu công nghiệp; Tăng cường phối hợp giữa nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hộ đảm bảo hải hòa giữa phát triển kinh tế và xã hội.

- Kết quả nghiên cứu của Đề tài đóng góp luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc xây dựng và thực thi đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong quản lý và giải quyết tốt các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình đẩy mạnh và phát triển các khu công nghiệp nói riêng và phát triển đất nước nói chung.

- Kết quả nghiên cứu của đề tài là cơ sở dữ liệu, tài liệu tham khảo, cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho các cơ quan có thẩm quyền trong xây dựng thực hiện pháp luật nhằm đảm bảo quản lý và giải quyết tốt các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình phát triển các khu công nghiệp.

**IV. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Về tiến độ thực hiện: *(đánh dấu* ***√***  *vào ô tương ứng*):

|  |  |
| --- | --- |
| *- Nộp hồ sơ đúng hạn* | ⌧ |
| *- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* |  |
| *- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* |  |

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

*- Xuất sắc*

*- Đạt*  ⌧

*- Không đạt*